TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẾN LỨC** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 21-7-2017
"V/v Ly hôn giữa bà L và ông P"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LỨC, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Chí Cường

2. Ông Huỳnh Kim Thái Long

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thúy Hồng–Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

***- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An tham gia phiên tòa*:** Bà Trần Thị Lan Chi – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 182/2017/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2017 về việc *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2017/QĐXX-ST ngày 14 tháng 6 năm 2017, Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2017/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Chúc L, sinh năm 1984 (có mặt)

Địa chỉ cư trú: Số 179, ấp T, xã L, huyện T, tỉnh Cà Mau.

2. *Bị đơn:* Ông Trần Thanh P, sinh năm 1984 (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp 3, xã T, huyện B, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 21/4/2017, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Chúc L trình bày:

Về hôn nhân: Do quen biết, năm 2005 bà và ông Trần Thanh P tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại xã L, huyện T, tỉnh Cà Mau vào ngày 26/6/2007 (giấy đăng ký số 46, quyển số 01). Năm 2009, ông bà phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, ông P còn dùng vũ lực đánh đập bà. Bà có khuyên nhiều lần nhưng ông P vẫn không sửa

đổi. Bà và ông P đã ly thân nhau từ năm 2015 đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng giữa bà và ông P không còn nên bà yêu cầu ly hôn với ông P.

Về nuôi con chung: Quá trình chung sống, bà và ông P có 02(hai) con chung tên Trần Thị Mỹ L, sinh ngày 13/7/2010 và Trần Trọng N, sinh ngày 22/9/2012, hiện hai cháu đang sống với bà. Sau khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi hai cháu Linh và Nhân, không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà và ông P không có nợ chung.

Bị đơn ông Trần Thanh P vắng mặt và không cung cấp bất cứ tài liệu, chứng cứ nào có liên quan đến vụ án nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án gồm: 01 Bản sao chứng minh nhân dân và 01 sổ hộ khẩu của bà L; 01 Bản chính giấy chứng nhận kết hôn; 02 Bản sao giấy khai sinh của Trần Thị Mỹ L và Trần Trọng N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về thủ tục: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự và những người tham gia tố tụng trong vụ án chấp hành pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung: Về hôn nhân: Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa bà L và ông P đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L. Về con chung: Giao hai con chung cho bà L tiếp tục nuôi dưỡng. Về tài sản, nợ chung: Do các bên không tranh chấp về tài sản chung và không có nợ chung nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về tố tụng: Bà Nguyễn Chúc L khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Trần Thanh P. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[3] Bị đơn ông Trần Thanh P đã được Tòa án thông báo và tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia vụ án nhưng đều vắng mặt. Căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông Phong.

[4] Về nội dung tranh chấp:

[5] Về hôn nhân: Xét yêu cầu của bà L xin ly hôn với ông P, thấy rằng: Bà L và ông P có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã L, huyện

T, tỉnh Cà Mau cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 26/6/2007 (giấy đăng ký số 46, quyển số 01) nên quan hệ của bà L và ông P là hợp pháp. Theo bà L, sau một thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, ông P còn dùng vũ lực đánh đập bà. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tiến hành tống đạt cho ông P các văn bản tố tụng để tham gia vụ án. Tuy nhiên, ông P đều vắng mặt và không gửi cho Tòa án văn bản nêu ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của bà L. Từ đó, cho thấy ông P cũng không có thiện chí để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy, hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hai bên đã sống ly thân từ năm 2015, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L.

[6] Về nuôi con chung: Bà L và ông P có 02(hai) con chung tên Trần Thị Mỹ L, sinh ngày 13/7/2010 và Trần Trọng N, sinh ngày 22/9/2012, hiện hai cháu đang sống với bà L. Khi ly hôn, bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Trần Thị Mỹ L và cháu Trần Trọng N. Xét thấy, hiện hai Trần Thị Mỹ L và Trần Trọng N đang sống với bà L, cuộc sống đã ổn định, khả năng bà L có thể chăm sóc con chung tốt. Hơn nữa, cháu Trần Thị Mỹ L có nguyện vọng là muốn sống với mẹ. Do đó, để đảm bảo sự phát triển bình thường của hai cháu Trần Thị Mỹ L và Trần Trọng N nên giao hai cháu cho bà L tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Về phần cấp dưỡng nuôi con, do bà L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về chia tài sản và nợ chung: Bà L trình bày không tranh chấp về tài sản chung và không có nợ chung. Ông P vắng mặt và không có văn bản nêu ý kiến về vấn đề này nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu có tranh chấp thì sẽ giải quyết bằng vụ án khác khi có đơn yêu cầu.

[8] Về án phí: Bà Nguyễn Chúc L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, 57, 58, 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Chúc L về việc "Ly hôn" với ông Trần Thanh P.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Chúc L và ông Trần Thanh P.

2. Về nuôi con chung: Giao hai cháu Trần Thị Mỹ L, sinh ngày 13/7/2010 và Trần Trọng N, sinh ngày 22/9/2012 cho bà Nguyễn Chúc L được

trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà L không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con. Ông Trần Thanh P không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, Toà án có thể ra quyết định thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng khi có yêu cầu của một hoặc hai bên.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Chúc L chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005172 ngày 21/4/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bến Lức, tỉnh Long An. Bà L đã nộp đủ án phí.

Án xử sơ thẩm công khai, bà Nguyễn Chúc L được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Trần Thanh P được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Bến Lức;
- UBND xã L, huyện T, tỉnh Cà Mau;
- THA huyện Bến Lức;
- Các đương sự;
- Lưu HS, lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Trần Thị Thanh Thúy